

THỰC TRẠNG SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT Ở TIỀN HẢI (THÁI BÌNH) CUỐI THẾ KỶ XIX, ĐẦU THẾ KỶ XX

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH*

Có thể nói trong lịch sử cận đại Việt Nam, vấn đề ruộng đất có sự thay đổi rất lớn. Đó là thực trạng cướp đoạt ruộng đất của thực dân Pháp, sự hình thành chế độ sở hữu lớn về ruộng đất của địa chủ thực dân Pháp và địa chủ bản xứ. Riêng huyện Tiền Hải (Thái Bình) - một huyện được thành lập vào nửa đầu thế kỷ XIX (1828) từ công cuộc khẩn hoang của nhà Nguyễn liệu tình hình có diễn ra như vậy hay không? Và nếu có thì diễn ra ở mức độ nào?

1. Ruộng đất công

Trong khi nghiên cứu tình hình sở hữu ruộng đất ở Tiền Hải (Thái Bình) từ khi thành lập đến nửa sau thế kỷ XIX, các nhà nghiên cứu đều đã đi đến kết luận rằng: ruộng đất công nhìn chung chiếm tỷ lệ cao hơn ruộng đất tư (tất nhiên có ngoại lệ do hoàn cảnh lịch sử từng làng chỉ phối như trường hợp làng Thanh Giám - huyện Tiền Hải). Đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, sự chuyển biến ruộng đất công và tư ở các làng xã Thái Bình nói chung và ở Tiền Hải nói riêng tiếp tục diễn ra rất phức tạp và đa dạng. Song theo các nhà nghiên cứu thì chiều hướng chung là công điền suy giảm, sở hữu tư diễn tăng lên và chiếm tỷ lệ lớn.

Nói rằng công điền có chiều hướng suy giảm không có nghĩa là công điền lúc này chỉ còn chiếm tỷ lệ nhỏ mà trên thực tế: ở Thái Bình, đặc biệt là ở Tiền Hải, ruộng đất công còn tồn tại với số lượng và tỷ lệ khá lớn.

Điều này được thể hiện qua sự kiện năm 1894, khi người Pháp đến, họ vẫn vô cùng ngạc nhiên vì khác với nhiều làng xã ở Bắc Bộ lúc bấy giờ thì ở Tiền Hải lúc này ruộng đất chủ yếu vẫn là ruộng đất của làng xã công hữu (1). Hay trong cuốn "*Kinh tế nông nghiệp Đông Dương*" xuất bản năm 1932, Yvơ Hăngry (Yves Henry) - Tổng thanh tra nông nghiệp Đông Dương cho biết: vào đầu thế kỷ XX số ruộng công ở Thái Bình là khoảng 100.000 mẫu, trong khi đó diện tích canh tác khoảng 300.000 mẫu (2). Từ đó suy ra tỷ lệ % công điền là: khoảng 32% tổng số diện tích ruộng lúa của tỉnh. Nếu đi vào từng phủ, huyện thì tỷ lệ công điền còn cao hơn. Điển hình là huyện Tiền Hải, vào đầu thế kỷ XX, tỷ lệ công điền là 59% (trong khi theo P.Gourou, trong cuốn "*Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*" thì vào năm Minh Mệnh thứ 13, số ruộng công ở đây chiếm 75% tổng diện tích). Cũng theo số liệu thống kê đầu thế kỷ XX, trong 51 hương ước của các làng ở Tiền Hải được các nhà nghiên cứu

* ThS. Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

tìm hiểu thì số làng xã có ruộng đất công quân cấp là (RDCQC) 51 (3) (Xem bảng 1, 2). Như vậy là nhìn chung hầu như làng nào cũng tồn tại công điền. Trong công điền thổ ấy, tuyệt đại bộ phận là điền, thổ không có bao nhiêu - chỉ chiếm có khoảng 8% (4). Công châu thổ hầu như không đáng kể.

Vậy là, so với nửa đầu thế kỷ XIX thì số lượng ruộng đất công có giảm sút theo khuynh hướng chung của các tỉnh Bắc Kỳ. Song nếu so với các tỉnh khác, đặc biệt là xét trong tương quan với các huyện khác trong tỉnh Thái Bình thì tỷ lệ công điền và số lượng làng có ruộng đất công quân cấp của huyện Tiền Hải là lớn hơn (Xem bảng 3). Hiện tượng này có thể lý giải bằng nhiều nguyên nhân khác nhau. Trước hết, điều dễ nhận thấy là: đây là một huyện

nằm ở miền ven biển, là một vùng đất trè, mới được khai khẩn chưa lâu. Ban đầu sau khi được khai khẩn, bản thân huyện Tiền Hải đã được mệnh danh là "Tiền Hải toàn thị quân cấp". Hơn thế, thời gian từ đó đến thời điểm này cũng chưa đủ dài để tư điền đủ sức lấn át hoàn toàn công điền. Song một nguyên nhân chủ yếu phải kể đến là do chính sách ruộng đất của thực dân Pháp. Kể từ đầu thế kỷ XX, trong Nghị định ngày 8-3-1906 để cập đến việc quản lý tài sản của các làng xã Bắc Kỳ, chính quyền Liên bang Đông Dương đã ra lệnh cấm kỳ mục các làng xã không được bán công điền công thổ (như luật lệ Gia Long đã quy định từ năm 1803). Về sau, trong các văn bản "Cải lương hương chính", thực dân Pháp có cho phép thuê, lĩnh canh, thậm chí

Bảng 1: Bảng tình hình ruộng công quân cấp ở các làng xã Thái Bình đầu thế kỷ XX

Tên phủ huyện	Số hương ước được nghiên cứu	Số làng xã không ghi RDCQC	Số làng xã không có RDCQC	Số làng xã có RDCQC
Tiền Hải	51	0	0	51
Thụy Anh	32	4	0	28
Duyên Hà	70	6	3	61
Kiến Xương	58	9	0	49
Thái Ninh	73	12	3	58
Tiền Hưng	60	3	10	47
Đông Quan	53	10	3	40
Phụ Dực	42	6	18	18
Hưng Nhân	3	0	1	2
Thả Trĩ	1	0	0	1
Cộng	443	50	38	355

(Nguồn: Số liệu từ cuốn "Kinh tế nông nghiệp Đông Dương" (Économie Agricole de l'Indochine), xuất bản 1932 của Yves Haigny và số liệu của Sở Địa chính, báo cáo của Công sứ các tỉnh Bắc Kỳ (lưu giữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia Hà Nội)

Bảng 2: Bảng tỷ lệ công điền một số làng thuộc huyện Tiền Hải (Thái Bình) đầu thế kỷ XX

Làng thuộc huyện Tiền Hải	Tổng số ruộng (mẫu)	Công điền (mẫu)	Tỷ lệ % công điền
Nho Lâm	350	90	25,7
Thanh Giám	510	200	39,2
Đông Cao	798	125	15,7

(Nguồn: Đảng Lao Động Việt Nam, Ban chấp hành tỉnh Thái Bình. Hồ sơ "Tư liệu lịch sử phong trào cách mạng huyện Tiền Hải 1925 - 1945". Hồ sơ số 21/SD - F6, quyển số 30-01 Tài liệu lưu trữ tại phòng lưu trữ tỉnh ủy Thái Bình).

Bảng 3: Bảng phân bố ruộng công ở các phủ, huyện ở Thái Bình

Tên phủ, huyện	Diện tích canh tác (mẫu)	Diện tích công điền (mẫu)	Tỷ lệ % công điền
Tiến Hải	31.166	19.841	63,6
Thụy Anh	22.761	12.710	55,8
Kiến Xương	30.833	16.967	55,0
Thư Trì	25.833	11.766	45,5
Thái Ninh	30.555	13.616	44,5
Duyên Hà	25.833	8.814	34,1
Vũ Tiên	16.944	7.185	26,6
Hưng Nhân	20.000	4.135	20,6
Quyển Côi	22.761	4.212	18,5
Tiền Hưng	25.000	3.589	14,3
Phụ Dục	19.444	2.090	10,7
Đông Quan	25.276	1.956	7,7

(Nguồn: Số liệu từ cuốn *Kinh tế nông nghiệp Đông Dương (Économie Agricole de l'Indochine)*, xuất bản 1932 của Yvo Hángry và số liệu của Sở Địa chính, báo cáo của Công sứ các tỉnh Bắc Kỳ (lưu giữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia Hà Nội))

cho bán ruộng công của làng xã để chi dùng vào công việc của làng, nhưng chỉ được thực hiện trong những trường hợp đặc biệt và phải được sự đồng ý của của chính quyền cấp tỉnh hoặc cấp xứ (5). Hay trong thông tư ngày 25-3-1915, Thống sứ Bắc Kỳ còn ra lệnh cho các quan chủ tỉnh bắt buộc các làng xã thực hiện việc chia điền công thổ theo định kỳ 3 năm một lần (6). Chúng ta đều biết rằng: công điền là sở hữu chung của làng xã, là cơ sở kinh tế của tổ chức làng xã và mỗi làng xã là một đơn vị hành chính riêng biệt do bọn cường hào đứng đầu. Ở đây, đế quốc Pháp không xóa bỏ công điền mà lại duy trì chế độ công điền tức là duy trì hình thức tổ chức thôn xã, lợi dụng chính ngay tổ chức thôn xã đã có sẵn ấy, thông qua bọn cường hào lý dịch để bóc lột nông dân. Sưu, thuế, phu dãi tạp dịch, chúng chỉ việc phân phối theo đơn vị làng xã và bọn cường hào lý dịch, lại có nhiệm vụ bỏ vào đầu nông dân trong làng xã. Chính sách này đã được thực dân Pháp áp dụng ở các tỉnh, huyện Bắc Kỳ, trong đó Tiến Hải (Thái Bình) là một điển hình.

2. Ruộng đất tư

Mặc dù thực dân Pháp và triều đình nhà Nguyễn ra sức duy trì chế độ công điền ở đây và trên thực tế đã thu được một số kết quả nhất định. Song chúng cũng không thể nào phủ nhận được sự tồn tại của chế độ tư điền thế nghiệp ở tất cả các làng xã nơi này.

Trên thực tế nhân dân các làng xã ven biển Tiến Hải và nông dân nghèo lưu vong từ khắp các nơi khác đã quy tụ về đây, họ hiệp tác trong lao động tập thể, quai đê lấn biển, dựng làng lập ấp, biến vùng đất hoang vu chua mặn thành diện tích canh tác phì nhiêu. Do vậy, sau khai hoang mỗi suất đình đều được chia *tư điền thế nghiệp* ngang nhau. Sự phân phối ruộng đất đó phải chăng phản ánh sự đóng góp công sức lao động ngang nhau trong quá trình khai khẩn đất gian khổ của họ. Hơn thế, trong tình hình xã hội ở nửa đầu thế kỷ XIX này, để giải quyết yêu cầu ruộng đất gay gắt, bức thiết của đông đảo nông phu lưu tán bằng phương thức khẩn hoang, thì chế độ

tư diển thế nghiệp chỉ có thể xuất hiện dưới hình thức *tư hữu nhỏ*, theo nguyên tắc bình quân. Và tất nhiên cùng với đó là sự xuất hiện một tầng lớp nông dân mang tính chất nông dân tiểu tư hữu. Với những người nông dân này, tuy ruộng đất còn được phân chia hạn chế, song nó đã tạo ra động lực lớn khuyến khích nông dân tiếp tục công cuộc khẩn hoang đang còn nhiều triển vọng ở phía trước.

Đến cuối thế kỷ XIX, đặc biệt vào đầu thế kỷ XX, chế độ tư diển thế nghiệp vẫn tiếp tục được mở rộng do kết quả của việc khai hoang không ngừng diễn ra. Song điều đáng chú ý là phương thức phân phối ruộng khai hoang giờ đây không còn là cách chia đều như hồi thế kỷ XIX mà mang tính chất bất bình đẳng rõ rệt. Cuốn "Diển hộ bạ" hiện lưu trữ tại phòng truyền thống xã Đông Lâm dày 21 trang, cuối sổ có chữ ký của sắc mục, dấu triện của Lý trưởng, dấu triện chứng thực của quan huyện và cấp trên có chếp lại như sau:

"*Tĩnh Thái Bình, phủ Kiến Xương, huyện Tiên Hải, tổng Tân Phong, làng Thanh Giám. Những diển hộ chúng tôi kính trình việc sửa đổi sổ diển bạ. Dân làng chúng tôi nguyên có một khu đất hoang 96 mẫu, phía Đông giáp với đê Bạch Long, phía Tây giáp với sông Ngự Dũng, phía Nam giáp giới làng Nho Lâm, phía Bắc giáp giới làng Đức Cơ, thường bị nước mặn chảy qua nên chưa thể khai khẩn. Tháng trước dân chúng tôi đã làm đơn xin trưng, chờ khi thành thực diển sẽ nhận làm tư diển thế nghiệp hạng ruộng loại ba. Mọi nay may được y cho lời xin. Nay vắng lệnh sửa đổi sổ bạ, dân chúng tôi xin nhận khu đất hoang đó, phân chia rõ ràng, mỗi phần là bao nhiêu sào thước, mãi mãi nhận làm tam đẳng tư diển thế nghiệp để truyền cho con cháu. Từ nay về sau, người nào không*

dự việc khai khẩn thì không được tranh chấp. Người nào nhận mấy sào, tại xứ đồng nào, đều ghi rõ đồng tây tứ chỉ và kí nhận ở dưới. Kính xin quan Tri huyện kiêm chức Doanh diển sứ bản huyện tra xét, phê chuẩn cho làm bằng chứng để dân mọn chúng tôi được nhận khu đất hoang đó làm tư diển thế nghiệp. Muôn ngàn hy vọng, Nay kính trình". Cũng trong cuốn "Diển sổ bạ" đó còn ghi tỉ mỉ rằng: toàn bộ số ruộng khai khẩn được là 96 mẫu chia thành 153 phần cho 122 suất dinh. Mỗi phần được 6 sào 2 khẩu (mỗi khẩu là 36m²); trong số 95 người (tức 77% số dinh trong làng) được nhận 1 phần, 23 người được nhận 2 phần, 4 người được nhận 3 phần. Như vậy, chỉ một số ít người thì được ưu đãi nhận 2 hay 3 phần, trong khi tuyệt đại đa số (77%) chỉ được nhận 1 phần (7).

Hơn thế, cuối thế kỷ XIX, trong một vài tổng ở Tiên Hải đã có hiện tượng chuyển một phần công diển thành tư diển để làm ruộng ghi nhớ công lao lập lý, ấp, trại, giáp. Trong đó phải kể đến trường hợp tư diển của trại Nhuận Ốc (tổng Tân Định) có 305 mẫu ruộng đất, tổng số dân dinh sau khi lập trại là 15 người. Trừ thổ cư được phân theo đúng quy định của nhà nước (mỗi suất dinh 1 mẫu), phần tư diển được chia cho 7 họ đến khai phá, lập trại đầu tiên, tính theo dinh, mỗi suất 5 sào. Các họ: Đỗ, Tô, Bùi, Vũ, Dương, Ngô, Nguyễn đã nhận được phần đất này. Trong số 7 họ nêu trên, họ Ngô xuống sau (3 suất dinh) được chia 1,5 mẫu, nhưng phải ra ở phía ngoài làng. Còn 8 họ đến sau không được nhận phần tư diển này (8).

Sự phát triển của tư diển thế nghiệp được thể hiện rõ nét ở nhiều lý, ấp, trại, giáp khác trong huyện Tiên Hải vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Ví như: ở ấp Tân Xuân, tổng Tân Bối là ấp mới lập, được

đứng riêng thành đơn vị hành chính cấp cơ sở chính thức vào năm 1901. Cuốn địa bạ của ấp Tân Xuân được lập năm Thành Thái thứ 18 (1906) cho biết: lúc này tổng số điền, thổ nơi đây là 45 mẫu và được phân chia như sau: Tư điền: 21 mẫu (chiếm 46,6% tổng diện tích ruộng đất); Công điền: 20 mẫu (chiếm 44,5% tổng diện tích ruộng đất); Tư thổ: 4 mẫu (chiếm 8,9% tổng diện tích ruộng đất) (9). Rõ ràng, ở Tân Xuân thì tỷ lệ tư điền trội hơn so với công điền.

Cách ấp Tân Xuân không xa là trại Thiên Kiều, được thành lập năm 1828. Địa bạ Thiên Kiều niên đại Thành Thái thứ 12 (1900) cho biết số lượng tư điền nhiều gấp đôi so với lượng công điền. Trong tổng số 299 mẫu điền, thổ thì công điền là 74 mẫu 7 sào (chiếm 25 % tổng diện tích); tư điền 158 mẫu 3 sào (chiếm 53 % tổng S); thổ 66 mẫu (chiếm 22%) (10).

Tình hình cũng diễn ra tương tự ở thôn Đại Phong, xã Nghĩa Phong (tổng Tân Bồi) theo địa bạ thôn Đại Phong niên đại Thành Thái thứ 12 (1900) thì tổng số điền thổ là: 140 mẫu, trong đó công điền 60 mẫu (chiếm tỷ lệ 42,9% tổng số điền thổ); tư điền: 30 mẫu (chiếm 21,4% tổng số điền thổ); thổ: 50 mẫu (chiếm 35,7% tổng số điền thổ)...

Qua đây cho ta thấy: chế độ tư hữu, đặc biệt là tư điền thế nghiệp tiếp tục được xác lập, phát triển và có nơi còn áp đảo cả công điền. Có nhiều hình thức phát triển tư điền thế nghiệp, tuy nhiên hình thức khẩn hoang vẫn là một trong những hình thức quan trọng. Và hơn thế sự phân phối ruộng đất sau khẩn hoang rõ ràng đã có sự chuyển biến hoàn toàn khác so với trước đây. Tính chất bình đẳng trong phân phối ruộng đất sau khẩn hoang giờ đây đã bị nhường chỗ cho tính bất bình đẳng.

Song điều đáng nói là chính sự ra đời và phát triển của chế độ tư hữu nhỏ nói trên

lại tạo ra điều kiện cho sự phát triển nhanh chóng của hình thức tư hữu lớn hơn của địa chủ nơi đây vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Điều này bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau:

Chúng ta biết, trong quá trình khai hoang, bản thân những địa chủ phú hào có thế lực dồi dào cũng đứng ra chiêu mộ nhân công, tiến hành khai hoang dưới hình thức "tự khẩn" và tạo ra hình thức tư hữu lớn của những điền chủ, có quy mô phổ biến khoảng chừng vài chục mẫu có khi đến vài trăm mẫu một nghiệp chủ. Quá trình khai hoang gắn một thế kỷ đã tạo ra không ít những điền chủ như vậy.

Thêm vào đó, nạn kiêm tinh ruộng đất lại có điều kiện phát triển ở nơi này. Những thành quả khẩn hoang của nhân dân luôn đứng trước nguy cơ bị chiếm đoạt nghiêm trọng. Là một miền ven biển hoang vu, trật tự xã hội ở Tiền Hải thật sự không ổn định. Những "ổ cướp", "giặc cỏ thường hay tụ tập ở đây". Đó là nói theo cách nói của các nhà chép sử phong kiến với hàm ý ám chỉ những người nông dân nghèo đói thường tụ tập bạo động ở đây. Không những thế, bọn giặc biển mà nhân dân quen gọi là giặc Tàu Ô từ ven biển Trung Quốc lại thường tràn vào cướp phá nhân dân. Tình hình xã hội thiếu ổn định như vậy khiến cho nhà nước phong kiến Nguyễn, vốn đã thiếu niềm tin nơi dân chúng Bắc Kỳ, lại đóng đô tận kinh thành Huế xa xôi, càng khó bề kiểm soát khống chế tình hình. Một khi nhà nước trung ương càng buông lỏng bao nhiêu thì càng tạo ra điều kiện thuận lợi cho thế lực cường hào phong kiến địa phương lũng đoạn và kiêm tinh ruộng đất bấy nhiêu. Thực dân Pháp mà trực tiếp là bọn quan cai trị ở cấp tỉnh thì tham nhũng sâu mọt, dung dưỡng tiếp tay cho bọn địa chủ cường hào ở các

làng xã nơi đây. Quá trình tập trung ruộng đất theo đó được đẩy mạnh.

Là một miền châu thổ ven biển, Tiền Hải không những được thiên nhiên ưu đãi những tặng phẩm quý giá như những vùng đất đai màu mỡ, những làng xã trù mật... mà thiên nhiên còn đem đến cho Tiền Hải những tai họa khủng khiếp như: bão biển, thủy triều rồi vỡ đê lũ lụt... cướp đi của họ những làng ấp, những con dê, những cánh đồng mà nhân dân đổ biết bao công sức gây dựng nên. Thiên tai dữ dội và khắc nghiệt bao nhiêu thì nạn bần cùng phá sản, nạn đói kém lưu vong càng phổ biến bấy nhiêu. Và đây một lần nữa lại tạo cơ hội cho giai cấp địa chủ phong kiến kiêm tinh ruộng đất, góp phần phát triển hơn nữa chế độ sở hữu ruộng đất lớn của địa chủ.

Rõ ràng vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, ở Tiền Hải, chế độ tư hữu ruộng đất đang diễn ra sự phân hóa ngày càng sâu sắc. Đặc biệt, trong khoảng thời gian này, yếu tố tư bản chủ nghĩa ngày càng thâm nhập sâu vào nông thôn khiến cho sự phân hóa đó diễn ra ngày càng gắt. Sự thâm nhập của yếu tố tư bản chủ nghĩa đó được biểu hiện rõ nét ở thực trạng: hiện tượng cầm cố, mua bán ruộng đất diễn ra ngày càng phổ biến trong khoảng thời gian này. Thông qua con đường cầm cố mua bán ruộng đất, những địa chủ phú hào đã cướp đoạt, bóc lột tàn bạo nông dân, dần đẩy họ ra khỏi mảnh đất vốn nhỏ bé của mình. Đặc biệt chế độ tư hữu ở Tiền Hải lúc bấy giờ còn phát triển bằng cách lấn chiếm ruộng đất công tạo thành 1 hình thức tư điển đặc biệt gọi là "tư điển gian" (11). Thực tế lúc này có không ít những địa chủ, cường hào lợi dụng thế lực và tiền tài của mình, nhất là tranh thủ những lúc mất mùa đói kém để mua bán và lấn chiếm ruộng công làm thành của tư. Mặc dù hình

thức tư điển này trước pháp luật nhà nước là không hợp pháp, nhưng do được quan ở huyện, tỉnh bao che dung túng nên địa chủ vẫn có quyền chiếm hữu và chi phối nó như tư điển của mình vậy. Ví dụ: địa chủ Nguyễn Trí Phú, Nguyễn Trí Bản ở làng Đại Hữu (tổng Tân Định) vào những năm đầu thế kỷ XX, nhờ mua bán ruộng đất gian lận mà có trong tay hàng ngàn mẫu ruộng ở huyện Tiền Hải, Kiến Xương, Vũ Tiên. Hay trường hợp như ở xã Tiểu Hoàng có địa chủ nắm trong tay mấy trăm mẫu tư điển gian. Và một khi hiện tượng tư điển gian càng nhiều thì hiện tượng mua bán ruộng đất càng phổ biến. Ví như: ở lý Đông Cao (tổng Tân An) có 4 địa chủ ngoại lai là Hà Huyền, Hàn Bản, Hàn Quỳnh ở Kiến Xương và Hoàng Văn Lý ở Thị xã đã mua tới 245 mẫu "tư điển gian" nên khiến mỗi suất đình ở Đông Cao chỉ còn 2 sào 5 thước ruộng công mà thôi (12). Tình hình trên cũng diễn ra tương tự ở nhiều địa phương khác trong huyện Tiền Hải lúc bấy giờ. Điều này giúp ta lý giải tại sao cuộc đấu tranh chống "tư điển gian" lại trở thành một nội dung quan trọng trong phong trào nông dân ở Tiền Hải đầu thế kỷ XX.

Vậy là, chế độ tư hữu ruộng đất vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã thông qua nhiều con đường khác nhau để phát triển và phân hóa ngày càng sâu sắc. Bảng thống kê sau đây của Yvor Hångry làm rõ thêm cho chúng ta tình hình phân hóa ruộng đất tư hữu ở Tiền Hải vào đầu thế kỷ XX (xem bảng 4).

3. Nhận xét

Như vậy, qua tìm hiểu chế độ sở hữu ruộng đất ở Tiền Hải (Thái Bình) cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chúng ta thấy nổi lên một đặc điểm là sự đa dạng trong loại hình sở hữu. Bên cạnh sở hữu công còn tồn tại tư hữu nhỏ của nông dân và đặc biệt là

Bảng 4: Bảng tình hình phân hóa ruộng đất tư hữu ở Tiền Hải đầu thế kỷ XX

Stt	Số điền chủ chiếm hữu ruộng đất	Diện tích ruộng đất chiếm hữu của mỗi điền chủ	Tỷ lệ % so với ruộng đất canh tác toàn huyện Tiền Hải	Tỷ lệ % so với cả tỉnh
1	4573	0 - 1 mẫu	71	70,5
2	1456	1 - 5 mẫu	22,6	23,2
3	286	5 - 10 mẫu	4,4	4,3
4	108	10 - 50 mẫu	1,7	1,8
5	9	50 - 100	0,1	0,08
6	9	>100 mẫu	0,1	0,04

(Nguồn: Yves Henry. *Kinh tế nông nghiệp Đông Dương (Économie Agricole de l'Indochine)*, Hà Nội, 1932)

sự xuất hiện và ngày càng phổ biến của chế độ tư hữu lớn của điền chủ.

Trước sự tấn công từ mọi phía: do sự bành trướng của chế độ tư hữu, do sự lũng đoạn của địa chủ, kỳ hào ở các làng xã, rồi do thực trạng mua bán, chuyển nhượng, cầm cố ruộng đất ngày càng phổ biến dưới tác động của sự thâm nhập yếu tố tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp... mà chế độ ruộng công ngày một suy thoái. Nếu như năm Minh Mệnh thứ 13, tổng số ruộng đất khai khẩn được là 18.900 mẫu, số đinh là 2.300 người, mỗi người được cấp bình quân 2 mẫu tư điền thế nghiệp, số ruộng công chiếm 75% tổng diện tích, thì đến đầu thế kỷ XX, theo thống kê của P.Gourou, tỷ lệ công điền ở Tiền Hải là 59%. Quả thật đây là một bước lùi dài của chế độ ruộng công trên mảnh đất Tiền Hải (Thái Bình).

Thêm vào đó, sự cầm cố khẩu phần ruộng công, sự ẩn lậu hoặc mua bán ruộng đất công làm cho hiện tượng "tư điền gian"

ngày càng phổ biến. Hơn nữa, sự phân chia bình đẳng ruộng đất khai hoang làm tư điền thế nghiệp cho dân đinh cũng không còn mà thay vào đó là sự phân chia mang đậm tính bất bình đẳng. Rõ ràng, chế độ công điền không còn nhiều tác dụng trong việc giải quyết tạm thời yêu cầu ruộng đất của nông dân cũng như xoa dịu, hòa hoãn xung đột giai cấp đang diễn ra gay gắt ở nơi đây. Thực tiễn này minh chứng hùng hồn cho chúng ta thấy: dưới chế độ thực dân nửa phong kiến (từ sau Hiệp ước năm 1884), cho dù nông dân có tích cực khai hoang, giành được một khẩu phần ruộng đất công hay một mảnh đất tư hữu nhỏ thì kết quả đó cũng chỉ là tạm thời và vô cùng bấp bênh mà thôi. Điều này lý giải cho chúng ta tại sao cuộc đấu tranh chia lại công điền, chống tình trạng "tư điền gian" lại trở thành một mục tiêu quan trọng có sức lôi cuốn mạnh mẽ trong phong trào nông dân ở Tiền Hải vào những năm đầu thế kỷ XX.

CHÚ THÍCH

(1). Paaquier. "Tình Thái Bình", trong *Những tỉnh Bắc Kỳ*. Trích Tạp chí *Đông Dương* 1904 (6 tháng đầu năm). M.6123 (TVQG) (Chữ Pháp), người dịch: Nguyễn Đình Khang. ĐCV 30 - 32 (TVTB).

(2). Yves Henry: *Économie agricole de L'Indochina*, Hanoi, 1932, tr. 99-249.

(3). Số hương ước do Viện Thông tin thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam thu thập và lưu trữ. Bản photo lưu trữ tại Thư viện Khoa học tổng hợp

Thái Bình.

(4). Xem bài "Nguyễn Công Trứ, nhà khốn hoàng lỗi lạc của thế kỷ XIX". Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*, số 47-1969.

(5). Dương Kinh Quốc: *Một số quy chế về ruộng đất ở Việt Nam thời cận đại (qua trình thiết lập) trong Viện Sử học: Nông dân và nông thôn Việt Nam thời cận đại*, Tập 1, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 42 - 52.

(6). Xem bài "Chế độ công điền công thổ Bắc Kỳ dưới thời Pháp thống trị". Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 87-1966.

(7). Số liệu dựa vào cuốn *Diễn hịch bạ*, hiện đang lưu trữ tại phòng truyền thống xã Đông Lâm, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình, 21 trang.

(8). Phạm Thị Nết. *Tiền Hải từ sau khi thành lập (1828) đến cuối thế kỷ XIX*, Luận án Tiến sĩ - Chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, tài liệu lưu trữ tại Thư viện Quốc gia, ký hiệu 7901, tr. 89 - 90.

(9) (10). Các bản địa bạ này đều là bản chính, lưu tại ấp Tân Xuân và Trại Thiên Kiều, huyện Tiên Hải, Thái Bình.

(11). Yves Henry, sdd, tr. 99-249.

(12). Phạm Thị Nết, sdd, tr. 90 - 95.

TỔ CHỨC BANG GIAO CỦA TRIỀU NGUYỄN...

(Tiếp theo trang 24)

CHÚ THÍCH

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*. Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1992, tr. 368.

(2). "Hỏi ký của Macartney", dẫn theo Võ Văn Dật, *Lịch sử Đà Nẵng 1306 - 1950*, 1974, tr. 98.

(3). C. Borri. *Xứ Đà Nẵng Trong năm 1621*, Bản dịch của Hồng Huệ, Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị, Nxb. Tp Hồ Chí Minh, 1999, tr. 65.

(4), (5), (7). Quốc Sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*, tập III, Hà Nội, 1963, tr. 193, 380, 309.

(6), (10), (13), (14). Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Quốc triều chính biên toát yếu*, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1998, tr. 198, 270, 136, 275, 139.

(8). Lưu Trang, "Hệ thống phòng thủ Đà Nẵng dưới triều Nguyễn", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 12-2004, tr. 39-45.

(9), (12). Taboulet, Georges - *La Geste française en Indochine*, dẫn theo Võ Văn Dật, sdd, tr. 161, 136.

(11), (16). *Mục lục châu bản triều Nguyễn - năm Minh Mạng thứ 19*, 6 bản chép tay, lưu tại Thư viện Đại học Khoa học Huế.

(16), (19). Quốc Sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*, tập III, Hà Nội, 1963, tr. 277, 289.

(17), (20). Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Quốc triều chính biên toát yếu*, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1998, tr. 169, 169.

(18). *Mục lục châu bản triều Nguyễn - năm Minh Mạng thứ 19*, 6 bản chép tay, lưu tại Thư viện Đại học Khoa học Huế.

(21), (22), (23), (24). Taboulet, Georges - *La Geste française en Indochine*, dẫn theo Võ Văn Dật, sdd, tr. 195, 151, 153, 159.